

CHƯƠNG 1

LỜI THỀ TRONG LĂNG ÔNG – BÀ CHIỂU



ăm 1917.

Bóng chiều nhập nhoạng trên lăng Ông – Bà Chiểu⁽¹⁾. Mây đen vần vũ trên vòm trời. Sấm sét đùng đùng rạch ngang dọc như báo hiệu cơn mưa sắp đến. Những vòm cây chuyển động ào ào. Không gian âm u. Hoàng hôn nhợt nhạt. Nắng sắp tắt vào cuối ngày xế bóng...

Tháng trước, có một con cạp thọt chân lọt vào khu vực này, nó lũng thũng qua tòa bố⁽²⁾ đã bị lính Tây bắn chết. Những người dân An Nam cho rằng đó là cạp linh, đã hóa thần, nên họ lột lấy bộ da rồi dồn bông gòn vào trong và đặt thờ ở lăng Ông. Từ nhiều năm nay, nơi đây nổi tiếng linh thiêng, trong đêm mưa vẫn còn nghe tiếng ngựa hí, quân sĩ reo hò như xông trận, lại nghe giọng ma than quỷ khóc...

(1) Lăng thờ Tả quân Lê Văn Duyệt (1764-1832), vị tướng Tổng trấn thành Gia Định xưa. Gọi là “lăng Ông” để tránh phạm húy, lăng tọa cạnh chợ Bà Chiểu nên người dân gọi miệng là lăng Ông – Bà Chiểu. (BT)

(2) Sau này là Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh (cũ).

Giữa buổi chiều âm u ấy, có người đàn ông ăn mặc chỉnh tề, áo dài the lụa, đầu chít khăn đen, chân đi guốc. Ông ta dẫn theo cậu thiếu niên chừng mười sáu, mười bảy tuổi vào lăng Ông. Từ lâu nay, lăng Ông là nơi người ta cắt máu ăn thề, giao kèo, hứa hẹn với nhau điều gì đó vì tin rằng có thần thánh chứng giám lòng thành của họ. Niềm tin tín ngưỡng đã có lí do chính đáng để tồn tại.

Năm 1858, thực dân Pháp và Tây Ban Nha, dưới quyền của trung tướng hải quân Rigault de Genouilly, đã ngang nhiên nổ súng tấn công Đà Nẵng. Quân sĩ dưới quyền chỉ huy của Tổng thống quân vụ đại thần Nguyễn Tri Phương đã đánh trả quyết liệt. Bọn xâm lược nhụt chí, lại thêm bệnh dịch sát hại, nên hai năm sau, chúng phải rút vào Nam Kỳ đánh chiếm Sài Gòn. Năm 1861, chúng chiếm được toàn thể địa bàn Sài Gòn và miền đông lục tỉnh. Lẽ dĩ nhiên, Nam Kỳ trở thành thuộc địa, xem như một tỉnh của Pháp. Phía Chợ Lớn, giới mại bản làm giàu nhanh nhờ dịch vụ xuất khẩu lúa gạo của đồng bằng sông Cửu Long, vì vậy, miếu mạo, đền thờ của người Hoa được xây dựng lộng lẫy. Còn phía khu vực trung tâm Sài Gòn mặc nhiên trở thành lãnh địa riêng dành cho người châu Âu, biểu tượng là dinh Xã Tây⁽¹⁾, Nhà thờ Đức Bà... được dựng lên.

Còn người Việt ở phía Bà Chiểu, Gò Vấp, Phú Nhuận có gì ngoài sự tự ái dân tộc? Vì lẽ đó, để bảo tồn văn hóa dân tộc, họ đã ra sức trùng tu lăng Ông, xem đó là nhu cầu tinh thần trong các buổi lễ cầu quốc thái dân an, sơn hà xã tắc để mọi người có điều kiện gắn bó với cộng đồng, dân tộc.

(1) Nay là trụ sở UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đàn ông dẫn con trai mình vào lãng Ông chiều nay tên là Nguyễn An Khương. Ông sinh năm 1865 tại Bình Định, nhưng thuở nhỏ sống ở Tân An, trong một gia đình giỏi nghề làm thuốc. Thời thanh niên, do giỏi chữ Hán lẫn Quốc ngữ nên ông mở trường dạy chữ cho trẻ em trong làng. Kiến thức và đạo đức của ông đã khiến cho cha mẹ của học trò mến trọng, trong số đó có ông Hội đồng Trương Văn Lợi. Ông Lợi đồng ý gả con thứ bảy là Trương Thị Ngự cho ông. Gia đình đã có cô vợ giỏi người, đẹp nét quán xuyến, từ đó, ngoài việc dạy học, ông Khương chú tâm dịch truyện Tàu – những tác phẩm cổ điển có giá trị tư tưởng và văn hóa như *Tam Quốc Diễn Nghĩa*, *Vạn Huê Lâu*, *Ngũ Hồ Bình Tây*... hoặc biên soạn sách giáo khoa như *Mông học thê giai* nhằm giáo dục tinh thần yêu nước và đức hạnh cho trẻ em.

Sống ở Tân An một thời gian, nhận thấy đất Sài Gòn mới là nơi thực hiện được hoài bão lớn của đời mình, ông bàn với vợ lên đó lập nghiệp. Tại Sài Gòn, ông Khương gặp gỡ Trần Chánh Chiếu. Ông này có quốc tịch Pháp nên thường gọi là Gilbert Chiếu – một trong những trụ cột của phong trào Đông Du, Duy Tân tại Nam Kỳ. Và ông cũng là người tiên phong đứng ra tổ chức cuộc thi tiểu thuyết văn học Quốc ngữ đầu tiên trên báo *Nông cổ mín đàm*⁽¹⁾ vào ngày 23 tháng 10 năm 1906, khi ông làm chủ bút tờ báo này.

(1) *Nông cổ mín đàm*, nghĩa là “uống trà bàn chuyện làm ruộng và đi buôn”, cũng có tên tiếng Pháp là *Causeries sur l'agriculture et le commerce*, là tờ báo tiếng Việt do Paul Canavaggio – chủ đồn điền và thương gia người đảo Corse, hội viên Hội đồng Thuộc địa Nam Kỳ làm chủ nhiệm, chủ bút lần lượt là các kí giả Dũ Thúc Lương Khắc Ninh, Gilbert Trần Chánh Chiếu, Nguyễn Chánh Sắt. Báo hoạt động từ năm 1901 đến năm 1921. (BT)

Sau những lần gặp gỡ này, ông Khương đã bàn với vợ và chị ruột của mình là bà Nguyễn Thị Xuyên mở khách sạn Chiêu Nam Lầu tại số 49 Charner và góc Carabelli⁽¹⁾ – dãy nhà lầu ba tầng, phía trước có gắn tấm bảng nhỏ: “*Tiệm may – nhà ngủ. May khéo có danh khắp Lục châu*”. Phía tầng dưới, bà Xuyên mở tiệm may và bán cà phê, bánh bao, bánh mì, cơm Âu, Á... Còn hai tầng trên làm phòng ngủ. Thật ra, đây là cơ sở liên lạc, đưa đón thanh niên xuất dương trong phong trào Đông Du của chủ soái Phan Bội Châu.

Chiều nay, đứng kính cẩn thấp nén nhang trên bàn thờ chánh điện, ông Khương quay sang nói nhỏ với cậu con trai:

“Trước khi du học ở Pháp, con hứa điều gì? Cha dặn con, sang đó phải cố gắng học hành thành tài để sau này cứu dân giúp nước, chớ không phải học giỏi để làm tôi mọi cho bọn mất xanh mũi lõ. Con có hứa làm đúng lời dạy của cha không?”

Cậu con trai đứng chắp tay trước ngực, nhìn nhang khói nghi ngút linh thiêng, lắp bắp:

“Thưa cha, con xin hứa!”

Ông Khương nói tiếp:

“Nếu con không làm đúng theo lời hứa thì mang tội bất hiếu với cha. Con nghĩ sao?”

Cậu con trai khẽ đáp:

“Dạ!”

(1) Nay là đường Nguyễn Huệ và góc đường Nguyễn Thiệp.

Hai cha con quỳ xuống vái và tin lòng thành của mình từ nay đã được đất trời chứng giám. Lẽ ra, trong những buổi lễ thề như này, theo lệ thường, cậu con trai phải là người cầm dao cắt cổ một con gà và thề nếu mình bội ước sẽ bị thần linh vật chết như con gà xấu số kia. Thế nhưng, ông Khương không muốn con mình phải chứng kiến cảnh rừng rợn đó. Sau khi vái xong, ông lại dẫn con mình vào trong, thấp nhang tiếp. Đoạn đi ngang qua con cộp nhồi bông gòn, ông khẽ nhắc:

“Con vái Ngài để Ngài phù hộ mọi sự tốt lành cho con.”

Ngoan ngoan làm theo lời cha, nhưng cậu bé lại các có hỏi:

“Thưa cha, Ngài đã bị nhồi bông, đâu còn sống. Vậy làm sao phù hộ được con?”

Ông nghiêm mặt:

“Con chớ có nói đại. Từ xưa ông bà ta đã dạy rằng:

Hổ cứ sơn lâm phù xã tắc

Long du nguyệt điện tráng sơn hà.⁽¹⁾

Dùng đại mồm đại miệng với Ngài, với thần linh, với người khuất bóng con ạ!”

Nói xong, ông dẫn con trai ra ngoài sân. Trời sấm tối. Gió thổi u u qua vòm lá. Từ phía Sài Gòn bắt đầu nhấp nháy những ngọn đèn. Ông Khương gọi xe kéo và bảo đưa cha con họ về khách sạn Chiêu Nam Lầu.

(1) Hai câu đối thường khắc hai bên tấm bình phong trong các đền, đình ở Nam Bộ. Dịch nghĩa:
Hổ chiếm sơn lâm phù xã tắc
Rồng chơi nguyệt điện giúp sơn hà. (BT)

Ngồi trên xe, ông Khương khẽ thở dài. Nay mai, đứa con yêu quý duy nhất của ông sẽ đến trời Âu. Nơi đất khách quê người, liệu nó có còn nhớ đến những lời dạy của ông? Bất giác, ông ngâm những câu thơ buồn nào nuốt:

Thuở trời đất nổi cơn gió bụi

Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên

Xanh kia thăm thẳm từng trên

Vì ai gây dựng cho nên nỗi này?

Nghe cha ngâm thơ như thế, cậu con trai vụt hỏi:

“Thơ của bà Đoàn Thị Điểm dịch *Chinh phụ ngâm* phải không cha?”

“Đúng rồi. Con giỏi lắm. Nhưng cha hỏi con nhé! Con có biết bà Đoàn Thị Điểm quan hệ như thế nào trong dòng tộc nhà ta không?”

Cậu con trai lắc đầu. Thế là ông giải thích cho cậu con trai được rõ. Theo gia phả còn để lại thì gốc tổ của ông Nguyễn An Khương họ Đoàn ở làng Giai Phạm, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên⁽¹⁾. Thời Trịnh – Nguyễn phân tranh, triều đình mục nát, dân chúng khốn khổ. Những năm đó, dân bỏ cày cấy. Thóc lúa dành dụm trong xóm làng đều hết sạch. Dân đen bồng bế, dắt díu nhau đi kiếm ăn đầy đường. Giá gạo cao vọt, một trăm đồng tiền không đổi được bữa ăn. Người chết đói ngổn ngang đầy đường. Thóc gạo khan hiếm đến độ có nơi một mẫu ruộng chỉ đổi được một bánh đa nướng, lại có người cầm bạc vàng trong tay mà chịu chết đói.

(1) Nay là xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên. (BT)

Trước tình hình bi đát đó, cháu ruột bà Đoàn Thị Điểm – gọi bà Điểm bằng cô – đứng ra lãnh đạo nông dân khởi nghĩa. Người đó là Đoàn Công Chấn. Sau những vụ chộc trời khuấy nước, Chấn bị quân triều đình bắt và xử trảm. Sau khủng bố này, anh em của Chấn phải bỏ quê nhà Hưng Yên để trốn vào Trung Kỳ. Họ ẩn náu tung tích tại rừng Đại Lợi, phủ Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định⁽¹⁾. Để tránh sự truy nã gắt gao của triều đình, họ đổi từ họ Đoàn sang họ Nguyễn. Trong số ba anh em lưu lạc vào đây thì Đoàn Công Hòa đổi thành Nguyễn Chuẩn Trực. Trực sinh được hai người con là Nguyễn Thị Thắng và Nguyễn An Nghi.

Ông Nguyễn An Nghi kết duyên với bà Dương Thị Hiền, sinh ra Nguyễn Thị Xuyên, Nguyễn An Khuong và Nguyễn An Cư. Năm tháng trôi qua, gia đình ông Nghi lại tiếp tục lưu lạc vào đất Nam Kỳ. Khi vợ chồng ông Khuong mở khách sạn Chiêu Nam Lầu, bà Xuyên không có chồng nên đảm nhiệm vai trò quản lý giúp cho vợ chồng em mình. Ông Cư làm thầy thuốc, tuy không có ý hướng hoạt động xã hội như ông Khuong, nhưng đã ngầm giúp các cụ Phan Bội Châu, Cường Để⁽²⁾, Phan Chu Trinh.

Sau khi kết hôn với bà Trương Thị Ngự, ông Khuong có bốn người con là Nguyễn An Thái, Nguyễn An Thường, Nguyễn Thị Năng, Nguyễn An Ninh. Ba người con đầu mất sớm lúc chưa đến mười tuổi, nên Ninh được xem là con trai độc nhất.

(1) Sau sáp nhập, tỉnh Bình Định giờ là tỉnh Gia Lai. (BT)

(2) Kỳ Ngoại hầu Cường Để (1882-1951) là hoàng thân nhà Nguyễn (cháu bốn đời của Nguyễn Phúc Cảnh), và là nhà cách mạng Việt Nam vào đầu thế kỷ 20. (BT)

Nguyễn An Ninh sinh ngày 15 tháng 9 năm 1900 tại quê ngoại xã Long Thượng, huyện Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn⁽¹⁾. Ngay từ thuở nhỏ, Ninh bị tật nói lắp, nhưng đã tỏ ra là cậu bé thông minh, đĩnh ngộ, thẳng thắn, trọng công bằng và ham học. Suốt thời thơ ấu, Ninh được theo cha ở khách sạn Chiêu Nam Lầu để thuận tiện cho việc đi học. Chính thời gian ở đây, những chí sĩ trong phong trào Đông Du từng lui tới cư ngụ, đàm đạo công tác cứu nước với ông Khuong, đã giáo dục tinh thần ái quốc cho cậu bé Ninh. Ngay từ nhỏ, bà bảy Ngự đã ru con bằng những câu về hào khí ngất trời – kể lại cuộc khởi nghĩa của Quách Hồn và nông dân mười tám thôn vườn trầu. Nơi đây vốn là quê nội thứ hai của Ninh: xã Trung Mỹ Tây, huyện Hóc Môn, tỉnh Gia Định⁽²⁾.

Giết một gã mà răn trăm họ

Vật phi nghĩa, kẻ ngay chẳng ngó

Nhơn phi ân, người quân tử mặc giao

Nghĩ sự đời như nước bọt lao xao

Gẫm sự thế như đèn xao trước gió.

Lớn lên, năm 1906, khi bắt đầu đi học ở trường *Collège des Interprètes*⁽³⁾ – còn gọi là trường sở Cọp – Ninh được nghe cha kể về cuộc đời của những anh hùng hảo hán lừng lẫy một thời qua nhiều bài về dễ nhớ. Ninh thích nhất là bài về kể về cuộc đời của thầy Thông Chánh. Làm thông

(1) Nay là xã Phước Lý, tỉnh Long An. (BT)

(2) Nay là phường Trung Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh. (BT)

(3) Túc Trường Thông Ngôn, thành lập ở Sài Gòn giữa năm 1864. (BT)

ngôn ở Trà Vinh, nhưng Chánh đã dám cầm súng bắn tên biện lí Jaboin ngay ngày lễ Quốc khánh Pháp 14 tháng 7 năm 1893 vì tên này đã tăng tịu với vợ của thầy. Tiếc thay, đạn không trúng tình địch mà lại trúng ông chánh tòa Vĩnh Long, thầy liền quay mũi súng tự kết liễu đời mình nhưng bị giật súng. Bị bắt, thầy muốn cắn lưỡi chết thì bọn Pháp đánh lừa bằng cách cho uống thuốc rụng hết răng.

Khi ra tòa, cô Ba – con gái thầy – đã cầm súng, định bắn tên Jaboin để trả thù cho cha, song bị lính Pháp xô té. Cô cũng bị bắt và sau đó tự vẫn. Còn thầy Thông Chánh chịu án tử hình. Ninh băng khuâng khi nghe cha nhắc đến cô Ba, mới mười bảy tuổi nhưng sắc nước hương trời, đẹp đến nỗi nhà dây thép Đông Dương phải phát hành một loại tem đặc biệt in hình cô, chưa kể hăng xà bông lớn nhất thời bấy giờ cũng đưa gương mặt cô lên bao bì sản phẩm của họ.

Ngoài ra, Ninh còn thích nghe chuyện kể về Sáu Trọng làm bồi cho Tây nhưng quyết trả thù vợ vì ả ngoại tình với Tây, chuyện này quả từng gây chấn động một thời. Tất cả những điều này đã ảnh hưởng đến tâm trí Ninh không ít, nhất là khi cậu được nghe cha và bác Nguyễn Sinh Sắc bàn luận về thời thế. Ông Sắc đỗ phó bảng, làm Hành tẩu bộ Lễ ở Huế, sau thăng tri huyện Bình Khê (Bình Định). Nhiều lần ông chống đối viên công sứ Pháp nên bị chúng cách chức và buộc phải định cư vĩnh viễn ở Nam Kỳ. Lúc này, ông Sắc ở chùa Linh Sơn, hằng ngày đi xem mạch, kê thuốc cho dân ở hiệu thuốc Trường Thọ Viên và Tam Thiên Đường trên đường Espagne. Qua đàm luận về thời thế, ông Sắc và ông Khương rất tâm đầu ý hợp.

Năm 1908, Ninh chuyển sang học trường Taberd⁽¹⁾, còn gọi là trường Thầy Dòng. Trường này do cha Henri De Kerlan thuộc Hội Truyền giáo sáng lập năm 1874. Hồi đầu, trường chỉ dạy các con quan Tây, mãi về sau mới nhận học sinh người Việt, bất kể có theo đạo Thiên Chúa hay không. Tuy nhiên, sự phân biệt đối xử giữa học sinh Việt và Tây vẫn còn rất rõ nét. Ninh vốn hiền lành, điềm đạm nên bị bọn Tây con bắt nạt luôn. Dù con mình là học sinh xuất sắc, nhưng sợ con chỉ biết chữ Tây mà quên đi chữ thánh hiền nên ông Khương dạy thêm chữ Hán cho Ninh. Phương pháp dạy của ông Khương cũng lạ, hễ mỗi lần dịch truyện Tàu thì ông đọc cho Ninh chép. Đoạn nào Ninh thích thú thì ông lại dạy thuộc lòng bằng chữ Hán. Nhờ vậy, những tưởng tích về gương hiếu nghĩa, trừ gian diệt bạo hoặc những lời hay trong *Tứ Thư*... Ninh dần thuộc nằm lòng. Tất cả những điều này hoàn toàn giúp ích cho Ninh khi anh bước vào trường văn trận bút, hiếm có nhà hùng biện nào vừa giỏi tiếng Pháp lại tinh thông Hán học như anh.

Mọi việc đang diễn ra tốt đẹp thì năm 1911, mẹ Ninh – bà Bảy Ngự qua đời. Nỗi buồn khủng khiếp đè nặng xuống tâm hồn cậu bé mười một tuổi. Đã vậy, bọn mặt tham thường xuyên rình rập, gây khó dễ cho việc kinh doanh ở khách sạn Chiêu Nam Lầu. Ông Khương bị chúng

(1) Trường Lasan Taberd là trường học tại Sài Gòn, do cha Henri De Kerlan – cha Sở coi Thánh đường Sài Gòn tự xuất tiền riêng sáng lập, hoạt động từ năm 1874 đến năm 1975. Năm 1975, trường Lasan Taberd được chính thức bàn giao cho Sở Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh, đổi thành trường Trung học Sư phạm. Đầu năm 2000, trường được bàn giao để thành lập Trường THPT Trần Đại Nghĩa, tới năm 2002 thì đổi thành Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa và giữ nguyên tên gọi từ đó tới nay. (BT)